

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2016 (ĐỢT 1)

Trường Đại học Cần Thơ trân trọng thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2016 (đợt 1) với các nội dung như sau:

I. NGÀNH THI TUYỂN VÀ MÔN THI TUYỂN

T T	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Môn thi		
				Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ (Nghe, nói, đọc viết)
1	Bảo vệ thực vật	60620112	30	Toán thống kê	Sinh lý thực vật	Anh văn
2	Chăn nuôi	60620105	30	Toán thống kê	Sinh lý động vật	Anh văn
3	Công nghệ sau thu hoạch	60540104	30	Toán thống kê	Công nghệ bảo quản nông sản sau thu hoạch	Anh văn
4	Công nghệ sinh học	60420201	30	Toán thống kê	Sinh học đại cương	Anh văn
5	Công nghệ thực phẩm	60540101	30	Toán thống kê	Hóa sinh công nghiệp	Anh văn
6	Di truyền và chọn giống cây trồng	60620111	30	Toán thống kê	Di truyền đại cương	Anh văn
7	Hệ thống nông nghiệp	60620118	30	Toán thống kê	Hệ thống canh tác	Anh văn
8	Hệ thống thông tin	60480104	30	Toán rời rạc	Cấu trúc dữ liệu và cơ sở dữ liệu	Anh văn
9	Hoá hữu cơ	60440114	30	Toán cao cấp	Hóa hữu cơ	Anh văn
10	Hoá lý thuyết và hoá lý	60440119	30	Toán cao cấp	Cơ sở lý thuyết hóa	Anh văn
11	Khoa học cây trồng	60620110	30	Toán thống kê	Sinh lý thực vật	Anh văn
12	Khoa học đất	60620103	30	Toán thống kê	Thổ nhưỡng	Anh văn
13	Khoa học máy tính	60480101	30	Toán rời rạc	Tin học cơ sở	Anh văn
14	Khoa học môi trường	60440301	30	Toán thống kê	Sinh thái học cơ bản	Anh văn
15	Kinh tế học	60310101	30	Toán kinh tế	Kinh tế học	Anh văn
16	Kinh tế nông nghiệp	60620115	30	Toán kinh tế	Kinh tế học	Anh văn
17	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	60520216	30	Toán kỹ thuật	Lý thuyết điều khiển tự động	Anh văn
18	Kỹ thuật hóa học	60520301	30	Toán cao cấp	Hóa lý kỹ thuật	Anh văn
19	Luật kinh tế	60380107	30	Lý luận nhà nước và pháp luật	Luật thương mại	Anh văn
20	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	60140111	30	Ngôn ngữ học	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Pháp văn

21	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp	60140111	30	Phân tích văn bản	Lý luận dạy học tiếng Pháp	Anh văn
22	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn và tiếng Việt	60140111	30	Lý luận văn học	Phương pháp dạy học ngữ văn	Anh văn
23	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	60140111	30	Giải tích (cơ sở)	Lý luận dạy học Toán	Anh văn
24	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	60460106	30	Giải tích	Xác suất thống kê	Anh văn
25	Nuôi trồng thủy sản	60620301	30	Toán thống kê	Cơ sở và nguyên lý nuôi trồng thủy sản	Anh văn
26	Phát triển nông thôn	60620116	30	Toán thống kê	Hệ thống canh tác	Anh văn
27	Quản lý đất đai	60850103	30	Toán thống kê	Trắc địa	Anh văn
28	Quản lý nguồn lợi thủy sản	60620305	30	Toán thống kê	Tài nguyên thủy sinh vật	Anh văn
29	Quản lý tài nguyên và môi trường	60850101	30	Toán thống kê	Quản lý môi trường	Anh văn
30	Quản trị kinh doanh	60340102	60	Toán kinh tế	Kinh tế học	Anh văn
31	Sinh thái học	60420120	30	Toán thống kê	Sinh học đại cương	Anh văn
32	Tài chính – Ngân hàng	60340201	60	Toán kinh tế	Kinh tế học	Anh văn
33	Thú y	60640101	30	Toán thống kê	Sinh lý bệnh thú y	Anh văn
34	Toán giải tích	60460102	30	Giải tích	Đại số	Anh văn
35	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	60440103	30	Phương trình toán lý	Cơ học lượng tử	Anh văn
36	Văn học Việt Nam	60220121	30	Triết học	Lý luận văn học (cơ sở)	Anh văn

Lưu ý: *Chỉ tiêu tuyển sinh sẽ thay đổi tùy thuộc vào số lượng đăng ký dự thi cụ thể của từng ngành.*

II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÀ KHU VỰC TUYỂN SINH

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

1. Về văn bằng, thí sinh đáp ứng 1 trong 2 điều kiện a, b (hoặc a hoặc b):

a) Đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi;

b) Đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định;

Danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần và học phần bổ sung kiến thức (Phụ lục đính kèm).

c) Trường hợp ngành tốt nghiệp đại học không có tên trong danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần của thông báo tuyển sinh do tốt nghiệp đại học của các năm trước không còn đúng tên với Danh mục cấp IV hiện tại của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì thí sinh vẫn được nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển nếu có nhu cầu và Hội đồng tuyển sinh trường sẽ xét duyệt hồ sơ của từng trường hợp.

d) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Không yêu cầu kinh nghiệm chuyên môn.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Có đủ sức khoẻ để học tập; đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định, thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

6. Trường hợp thí sinh là học viên cao học của Trường Đại học Cần Thơ: Đối với học viên cao học đang học tại Trường Đại học Cần Thơ nếu muốn đăng ký dự tuyển đầu vào thạc sĩ ngành khác với ngành đang học thì phải làm đơn xin dự tuyển được Ban Giám hiệu đồng ý và bồi hoàn chi phí đào tạo 4.500.000 đ/học viên trước khi nộp hồ sơ dự tuyển. Trường hợp không trúng tuyển sẽ được học lại ngành cũ và nhận lại chi phí đào tạo đã bồi hoàn. Nếu học viên không làm thủ tục này hồ sơ xem như không hợp lệ và sẽ không được công nhận kết quả dự tuyển.

7. Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Cần Thơ.

III. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI NGOẠI NGỮ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của cơ sở đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục - Đào tạo triển khai ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận (*có quyết định cho phép cấp chứng nhận/chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường hợp nộp chứng chỉ ngoại ngữ 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam*).

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Hình thức đào tạo: Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Thời gian học tối đa: 4 năm.

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Chính sách ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn thi cơ bản.

3. Thời gian nộp hồ sơ ưu tiên

Thí sinh nộp hồ sơ ưu tiên cùng với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Phiếu đăng ký dự tuyển (01 bản chính theo mẫu);
2. Bảng điểm đại học (02 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
3. Bảng tốt nghiệp đại học (02 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
4. Lý lịch cá nhân (01 bản chính theo mẫu, có đóng dấu giáp lai ảnh);
5. Biên nhận hồ sơ đã điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu (01 bản chính theo mẫu);
6. Giấy khám sức khỏe (01 bản chính của bệnh viện đa khoa quận huyện trở lên, không quá 3 tháng);
7. Giấy khai sinh (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
8. Chứng minh nhân dân (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
9. Phiếu dán ảnh (dán kèm 3 ảnh 3x4 mới nhất, không quá 3 tháng);
10. Chứng chỉ miễn thi ngoại ngữ, nếu có (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
11. Hồ sơ xác nhận ưu tiên, nếu có (01 bộ hồ sơ có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
12. Bảng điểm bổ sung kiến thức đối với ngành gần (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
13. Phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh (02 phong bì A6);
14. Bảng tốt nghiệp đại học thứ hai, nếu có (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
15. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);

VII. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN, XÉT TUYỂN

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;
- b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;
- c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

VIII. ĐĂNG KÝ ÔN TẬP, THỜI GIAN ÔN TẬP VÀ LỆ PHÍ ÔN TẬP

1. Thời gian ghi danh đăng ký ôn tập từ ngày ra thông báo đến **hết ngày 11/01/2016**.
2. Thủ tục ghi danh đăng ký ôn tập: nộp phiếu đăng ký ôn tập theo mẫu.
3. Thời gian ôn tập: dự kiến từ 18/01/2016 đến 13/3/2016 (*thời khóa biểu xem tại website Khoa Sau đại học từ ngày 15/01/2016*).
4. Lệ phí ôn tập: nộp tại Trung tâm Bồi dưỡng Chuyên môn Sau đại học, Khoa Sau đại học, Trường Đại học Cần Thơ.

4.1 Lớp ôn ngoài giờ (giảng dạy từ tối thứ 4 đến tối thứ 6 và cả ngày thứ 7 chủ nhật):

a) Trường hợp không miễn thi ngoại ngữ:

- Khối kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 5.879.250đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa: 5.427.000đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 4.070.250đ/thí sinh.

b) Trường hợp miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp có chứng chỉ được miễn:

- Khối kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 3.618.000đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa: 3.165.750đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 1.809.000đ/thí sinh.

4.2 Lớp ôn bình thường (giảng dạy từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần):

a) Trường hợp không miễn thi ngoại ngữ:

- Khối kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 3.919.500đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa: 3.618.000đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 2.713.500đ/thí sinh.

b) Trường hợp miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp có chứng chỉ được miễn:

- Khối kinh tế, Toán Giải tích, LTXS và TK toán học, Vật lý, Hóa học, KT hóa học: 2.412.000đ/thí sinh.
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa: 2.110.500đ/thí sinh.
- Các ngành còn lại (Nông nghiệp, thủy sản, sư phạm, môi trường...): 1.206.000đ/thí sinh.

IX. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ DỰ TUYỂN, LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ DỰ THI, THỜI GIAN THI TUYỂN VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

1. Thời gian nộp hồ sơ dự tuyển: từ ngày ra thông báo đến hết ngày **22/02/2016**.
 - **Nhận hồ sơ dự tuyển nộp đầy đủ và đúng thời hạn thông báo.**
 - **Hồ sơ đã nộp không hoàn trả lại.**

2

2. Thời gian thi tuyển: **26 và 27/3/2016.**
3. Thời gian dự kiến công bố kết quả tuyển sinh: 26/4/2016.
4. Thời gian dự kiến nhập học: 16/5/2016.
5. Đăng ký dự thi: 60.000đ/thí sinh/hồ sơ.
6. Dự thi thạc sĩ: 120.000đ/thí sinh/môn thi.
7. Lệ phí đăng ký dự thi và dự thi thạc sĩ nộp tại Phòng Tài vụ, Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2 Trường Đại học Cần Thơ.

X. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ

Hồ sơ đăng ký dự tuyển và mọi chi tiết khác có liên quan xin liên hệ:

Khoa Sau đại học - Trường Đại học Cần Thơ

Cổng B, Khu II đường 3 tháng 2 – Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại: 07103.734401 hoặc 07103. 734402.

Website: <http://gs.ctu.edu.vn>

Ghi chú: Khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi, thí sinh vui lòng xem kỹ điều kiện được dự thi theo thông báo tuyển sinh của Trường. Hồ sơ dự thi nếu không được Hội đồng Tuyển sinh của Trường xét duyệt sẽ không hoàn trả lệ phí và hồ sơ đã nộp.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Website Trường;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, KSDH, PKHTH.



Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DỪNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.